|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /2025/TT-BYT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

*(DỰ THẢO 25.12.24)*

**THÔNG TƯ**

**quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế**

*Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật an toàn vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh và Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em;*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.*

**Chương I.**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về:

1. Thẩm quyền xác định bệnh được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần.

2. Khám giám định mức suy giảm khả năng lao động (tỷ lệ tổn thương cơ thể) để hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động và thân nhân.

3. Việc cấp giấy ra viện, giấy chứng sinh, bản tóm tắt hồ sơ bệnh án, giấy xác nhận nghỉ dưỡng thai, giấy tờ chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy xác nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội; giấy tờ khác thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 và Điều 50 của Luật bảo hiểm xã hội và Điều 43 của Luật an toàn vệ sinh lao động

2. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều này đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng; người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đà có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Người đề nghị khám giám định mức suy giảm khả năng lao động để hưởng chế độ tử tuất là thân nhân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là thân nhân người lao động).

**Chương II**

**HỒ SƠ KHÁM GIÁM ĐỊNH ĐỂ HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI**

## Điều 3. Bệnh được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần

Ngoài trường hợp đang bị mắc một trong những bệnh như ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 70 hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại Điểm d Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 06 năm 2024, người mắc các bệnh, tật có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

**Điều 4. Hồ sơ khám giám định lần đầu**

1. Hồ sơ khám giám định lần đầu do tai nạn lao động:

a) Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đối với trường hợp người bị tai nạn lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định hoặc Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này đối với người lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định không thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động.

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thương tích theo mẫu quy định tại Phụ lục 3, Thông tư này.

c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản Điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục IX hoặc Phụ lục số X ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/ 5/ 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn Vệ sinh Lao động hoặc Phụ lục số V Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

Trường hợp tai nạn trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc thì kèm theo một trong các giấy tờ sau

+ Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ án

+ Biên bản điều tra tai nạn giao thông

+ Văn bản xác nhận bị tai nạn của cơ quan công an cấp xã hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn theo đề nghị của người lao động hoặc thân nhân người lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 28/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/ 12/ 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hộiquy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc Phụ lục số IX Nghị định số 143/2024/NĐ-CP ngày 01/11/2024 của Chính phủ quy định về bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

d) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ra viện cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án quy định tại mẫu 52/BV2, Phụ lục XXIX Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người lao động không điều trị nội trú hoặc ngoại trú thì phải có giấy tờ về khám, điều trị thương tật phù hợp với thời điểm xảy ra tai nạn lao động và tổn thương đề nghị giám định.

Trường hợp người được giám định thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động: Trong bản tóm tắt hồ sơ bệnh án phải thể hiện tổn thương do tai nạn lao động không có khả năng điều trị ổn định.

2. Hồ sơ khám giám định lần đầu bệnh nghề nghiệp

a) Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đối với trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc được giám định lần đầu bệnh nghề nghiệp thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định hoặc Giấy đề nghị khám giám định của người lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Hồ sơ bệnh nghề nghiệp.

c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ tóm tắt hồ sơ bệnh án điều trị bệnh nghề nghiệp hoặc bệnh liên quan đến bệnh nghề nghiệp của người lao động (nếu có).

Trường hợp người được giám định thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động: Trong bản tóm tắt hồ sơ bệnh án phải thể hiện bệnh không có khả năng điều trị ổn định (Trừ trường hợp bệnh nghề nghiệp tiến triển hoặc không điều trị được).

3. Hồ sơ khám giám định hưu trí

a) Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đối với trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định hoặc Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này đối với người lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định không thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động.

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản giám định y khoa hoặc bản sao hợp lệ giấy xác nhận khuyết tật (nếu có).

c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Giấy tờ chẩn đoán, điều trị (nếu có)

4. Hồ sơ khám giám định tử tuất; Hồ sơ khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai; Hồ sơ khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

a) Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản giám định y khoa hoặc bản sao hợp lệ giấy xác nhận khuyết tật (nếu có).

c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Giấy tờ chẩn đoán, điều trị (nếu có)

## Điều 5. Hồ sơ khám giám định lại (giám định tái phát)

1. Hồ sơ khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động:

a) Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện nội dung tổn thương do tai nạn lao động nặng lên.

c) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ: Biên bản giám định y khoa lần gần nhất. Trường hợp người được giám định thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này: Bản chính biên bản giám định y khoa lần gần nhất, trong đó phải ghi rõ kết luận về thời hạn đề nghị giám định lại.

2. Hồ sơ khám giám định lại bệnh nghề nghiệp

a) Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

b) Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Hồ sơ bệnh nghề nghiệp trong đó nội dung khám định kỳ bệnh nghề nghiệp ghi nhận tổn thương bệnh nghề nghiệp ở mức độ nặng hơn; Hoặc Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện tổn thương do bệnh nghề nghiệp ở mức độ nặng hơn.

Trường hợp người được giám định thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động: Trong bản tóm tắt hồ sơ bệnh án phải thể hiện bệnh không có khả năng điều trị ổn định (Trừ trường hợp bệnh nghề nghiệp tiến triển hoặc không điều trị được).

c) Bản chính hoặc Bản sao hợp lệ biên bản giám định y khoa lần gần nhất. Trường hợp người được giám định thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này: Bản chính biên bản giám định y khoa lần gần nhất, trong đó phải ghi rõ kết luận về thời hạn đề nghị giám định lại.

**Điều 6. Hồ sơ khám giám định tổng hợp**

1. Giấy giới thiệu của người sử dụng lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này đối với trường hợp người được giám định tổng hợp thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định hoặc Giấy đề nghị khám giám định của người lao động theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.
2. Bản chính hoặc bản sao hợp lệ Biên bản giám định y khoa lần gần nhất nếu đã được giám định.
3. Các giấy tờ khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 hoặc Điều 6 Thông tư này phù hợp với đối tượng và loại hình giám định.

**Điều 7. Hồ sơ giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn; Hồ sơ khám giám định phúc quyết theo đề nghị của tổ chức, cá nhân**

1. Giấy giới thiệu do Lãnh đạo cơ quan thường trực của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh ký tên và đóng dấu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này trong trường hợp giám định phúc quyết do vượt khả năng chuyên môn hoặc Văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Hồ sơ giám định theo quy định tại một trong các Điều 5, 6 hoặc 7 Thông tư này phù hợp từng đối tượng và loại hình khám giám định.

3. Biên bản giám định y khoa đối với trường hợp Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh đã khám giám định cho đối tượng hoặc văn bản họp Hội đồng Giám định y khoa xác định lý do vượt khả năng chuyên môn đối với trường hợp Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh chưa khám giám định cho đối tượng.

**Điều 8. Hồ sơ khám giám định phúc quyết lần cuối**

1. Văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối của một trong các cơ quan sau đây:
   1. Bộ Y tế;
   2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
   3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
   4. Người sử dụng lao động;

đ) Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương đối với trường hợp Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương đã giám định cho đối tượng nhưng đối tượng không đồng ý với kết luận của Hội đồng và đề nghị giám định phúc quyết lần cuối.

Văn bản đề nghị phải do lãnh đạo cơ quan thường trực của Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương nơi đã khám cho đối tượng ký và đóng dấu, trong đó phải ghi rõ đối tượng không đồng ý với kết luận của Hội đồng đồng thời phải kèm theo Giấy đề nghị giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng đó và kèm Bản sao Biên bản giám định y khoa của Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương nơi đã khám cho đối tượng.

1. Quyết định thành lập Hội đồng khám giám định phúc quyết lần cuối của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2. Hồ sơ giám định y khoa theo quy định tại Điều 8 hoặc Điều 9 Thông tư này phù hợp với từng đối tượng và loại hình khám giám định.

**Điều 9. Trách nhiệm lập hồ sơ khám giám định**

1. Người lao động có trách nhiệm lập, hoàn chỉnh hồ sơ khám giám định và gửi đến Hội đồng Giám định y khoa đối với các trường hợp sau đây:
   1. Giám định để xin hưởng bảo hiểm xã hội một lần;
   2. Giám định để xác định không đủ sức khỏe để nuôi con sau khi sinh, người lao động phải nghỉ dưỡng thai hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai;

c) Giám định lại.

d) Giám định lần đầu, giám định tổng hợp đối với người lao động tại thời điểm đề nghị khám giám định không thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động: đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc người lao động đã có quyết định nghỉ việc chờ giải quyết chế độ hưu trí, trợ cấp hàng tháng hoặc người lao động không còn làm nghề, công việc có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp mà phát hiện mắc bệnh nghề nghiệp trong thời gian bảo đảm của bệnh.

e) Giám định đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động;

Trường hợp người lao quy định tại Khoản này vì lý do sức khỏe mà không thể tự lập hồ sơ thì người sử dụng lao động hoặc thân nhân của người lao động có thể thay mặt người lao động đó lập hồ sơ khám giám định. Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này, trong đó phải có xác nhận về tình trạng nhân thân của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã.

1. Thân nhân của người lao động có trách nhiệm lập, hoàn chỉnh hồ sơ khám giám định và gửi đến Hội đồng Giám định y khoa đối với đề nghị khám giám định để hưởng trợ cấp tử tuất hàng tháng. Giấy đề nghị khám giám định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này, trong đó phải có xác nhận về tình trạng nhân thân của Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi người đó cư trú.
2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập, hoàn chỉnh hồ sơ giám định và gửi đến Hội đồng Giám định y khoa đối với các trường hợp không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và khoản 6 Điều này;
3. Cơ quan thường trực của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh có trách nhiệm lập hồ sơ giám định đối với trường hợp khám giám định phúc quyết.
4. Cơ quan thường trực của Hội đồng Giám định y khoa cấp trung ương có trách nhiệm lập hồ sơ khám giám định phúc quyết lần cuối.
5. Cơ quan quản lý người lao động, các cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm phối hợp với người lao động hoặc thân nhân người lao động hoàn chỉnh hồ sơ khám giám định theo yêu cầu của người lao động hoặc thân nhân người lao động.

**Điều 10. Thời hạn giám định lại**

1. Đối với các trường hợp giám định lại tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp người lao động được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động và được trả phí khám giám định trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Đối với người đã được giám định ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có Tóm tắt hồ sơ bệnh án mới hoặc Giấy ra viện mới trong đó thể hiện mắc thêm bệnh khác hoặc bệnh đã được giám định thay đổi mức độ nặng lên hoặc nhẹ đi so với tình trạng bệnh, tật được kết luận trong Biên bản Giám định y khoa lần gần nhất hoặc có yêu cầu khám giám định lại thì được đề nghị giám định lại trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày ban hành Biên bản Giám định y khoa lần gần nhất.

**Điều 11. Trình tự, nội dung khám giám định**

1. Việc giải quyết hồ sơ giám định y khoa và trình tự khám giám định y khoa được thực hiện theo quy định của Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và hoạt động của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.

2. Biên bản giám định y khoa đối với khám giám định thực hiện chế độ tử tuất hàng tháng phải được ban hành chậm nhất 06 tháng kể từ ngày người tham gia bảo hiểm xã hội chết hoặc kể từ ngày thân nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội hết thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định.

3. Nội dung khám giám định tai nạn lao động:

* 1. Nội dung khám giám định tai nạn lao động lần đầu theo tổn thương ghi nhận tại Giấy chứng nhận thương tích;
  2. Nội dung khám giám định tai nạn lao động tái phát: Khám giám định lại toàn bộ các tổn thương ghi nhận tại Giấy chứng nhận thương tích hoặc nội dung yêu cầu giám định ghi nhận tại Biên bản Giám định y khoa và:
* Tổn thương tái phát được ghi nhận tại Tóm tắt hồ sơ bệnh án phù hợp với Giấy chứng nhận thương tích;
* Tổn thương không có khả năng điều trị ổn định ghi nhận tại bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án đối với đối tượng quy định tại điểm c khoán 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động;
* Tổn thương do tai nạn lao động tiếp tục tiến triển được ghi nhận tại Biên bản giám định y khoa theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này;
  1. Nội dung khám giám định tổng hợp nhiều lần bị tai nạn lao động theo điểm a và điểm b Khoản này phù hợp với từng trường hợp.

4. Nội dung khám giám định bệnh nghề nghiệp

a) Nội dung khám giám định bệnh nghề nghiệp lần đầu theo Hồ sơ bệnh nghề nghiệp;

b) Nội dung khám giám định bệnh nghề nghiệp lại: Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp đã được ghi nhận tại Hồ sơ bệnh nghề nghiệp hoặc Bệnh nghề nghiệp được xác định tại Biên bản Giám định y khoa và:

- Tổn thương do bệnh nghề nghiệp nặng hơn được ghi nhận tại Tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc hồ sơ Bệnh nghề nghiệp ở nội dung khám định kỳ bệnh nghề nghiệp.

- Tổn thương không có khả năng điều trị ổn định ghi nhận tại bản Tóm tắt hồ sơ bệnh án đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Luật an toàn, vệ sinh lao động (Trừ trường hợp bệnh nghề nghiệp tiến triển hoặc không điều trị được).

- Nội dung khám giám định tổng hợp nhiều bệnh nghề nghiệp theo điểm a và điểm b Khoản này phù hợp với từng trường hợp.

4. Nội dung khám giám định tổng hợp (bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động)

Nội dung khám giám định tổng hợp theo Khoản 2, Khoản 3 của Điều này phù hợp với từng trường hợp.

5. Nội dung khám giám định để hưởng chế độ hưu trí hoặc nghỉ do không đủ sức khỏe để nuôi con sau khi sinh hoặc nghỉ dưỡng thai, nhận con nhờ mang thai hộ hoặc khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần căn cứ theo nội dung đề nghị khám trong giấy đề nghị khám giám định quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này.

Trường hợp cần thiết thì đối tượng giám định phải có giấy tờ chẩn đoán, điều trị để có cơ sở xác định thương tật, bệnh, tật.

Nội dung khám giám định để hưởng chế độ tử tuất căn cứ theo nội dung đề nghị khám trong giấy đề nghị khám giám định quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư này và tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc giấy ra viện.

6. Trường hợp đã có Biên bản giám định tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc thương binh hoặc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan với chất độc hóa học thì không thực hiện khám giám định lại các thương, bệnh, tật đã được ghi nhận trong Biên bản đó. Hội đồng giám định y khoa tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể đã được xác định tại các Biên bản giám định y khoa trước đó với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương, bệnh, tật được đề nghị khám giám định mà không trùng với các tổn thương đã được ghi nhận và xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

7. Nội dung khám giám định tổng hợp được thực hiện như sau:

* 1. Nội dung khám giám định tổng hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này phù hợp với từng đối tượng;
  2. Trường hợp đối tượng đã bị thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp nhưng mắc thêm thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp trùng lặp với tổn thương trước đây: Thực hiện khám đúng, đủ thương tật, bệnh nghề nghiệp hiện có và căn cứ vào kết quả khám để xác định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động theo phương pháp quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của liên tịch Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH).
  3. Trường hợp đối tượng đã bị thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp nay bị mắc thêm thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp gây tổn thương không trùng lặp với tổn thương trước đây:

Thực hiện khám đúng, đủ thương tật, bệnh nghề nghiệp của lần này và cộng với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động hoặc nghề nghiệp được kết luận trong Biên bản khám giám định y khoa của lần liền kề trước đó theo phương pháp quy định tại Thông tư số liên tịch 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH.

* 1. Trường hợp đối tượng đã khám giám định do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 02 lần trở lên nhưng chưa tổng hợp tỷ lệ:

- Trường hợp các biên bản giám định y khoa ghi nhận tổn thương trùng lặp ở một hoặc nhiều cơ quan, bộ phận cơ thể thì Hội đồng giám định y khoa thực hiện khám giám định lại toàn bộ các tổn thương được ghi nhận trong các Biên bản giám định y khoa này (bao gồm cả các tổn thương trùng lặp và không trùng lặp) và tổng hợp với tỷ lệ tổn thương cơ thể được ghi nhận trong Biên bản giám định y khoa không có tổn thương trùng lặp theo quy định và ban hành Biên bản giám định y khoa mới.

- Trường hợp đối tượng đã khám giám định do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 02 lần trở lên mà có tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc giấy ra viện hoặc hồ sơ bệnh nghề nghiệp ghi nhận tình trạng tổn thương nặng hoặc nhẹ hơn so với tổn thương được ghi nhận ở Biên bản giám định y khoa của các lần khám này, Hội đồng Giám định y khoa thực hiện khám giám định đối với toàn bộ các tổn thương được ghi nhận trong các Biên bản giám định y khoa có tình trạng tổn thương thay đổi và tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể với tỷ lệ tổn thương cơ thể được ghi nhận trong Biên bản giám định y khoa còn lại theo quy định và ban hành Biên bản giám định y khoa mới.

- Ngoài trường hợp nêu trên thì Hội đồng Giám định y khoa tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể của các biên bản giám định đó theo phương pháp quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và ban hành Biên bản giám định y khoa mới.

**Điều 12. Thời hạn giá trị Biên bản giám định y khoa**

Biên bản giám định y khoa có giá trị đến khi có biên bản giám định liền kề sau đó với cùng nội dung và mục đích giám định.

**Chương III**

**CẤP GIẤY RA VIỆN, GIẤY CHỨNG SINH, TÓM TẮT HỒ SƠ BỆNH ÁN, GIẤY CHỨNG MINH QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRỊ VÔ SINH, GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ DƯỠNG THAI, GIẤY CHỨNG NHẬN KHÔNG ĐỦ SỨC KHỎE ĐỂ CHĂM SÓC CON SAU KHI SINH, GIẤY CHỨNG NHẬN THAY THẾ TRONG TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG DO THIÊN TAI, THẢM HỌA, DỊCH BỆNH**

**Điều 13. Cấp giấy ra viện**

1. Thẩm quyền cấp giấy ra viện: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn được phép điều trị nội trú.

2. Mẫu và cách ghi giấy ra viện thực hiện theo quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp người bệnh được lưu trú tại Trạm y tế xã đối với các trạm y tế được Sở Y tế quyết định có giường lưu trú theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp thì được cấp giấy chứng nhận ghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này trong đó ghi rõ số ngày được lưu trú tại Trạm y tế xã và số ngày nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội nhưng không quá 30 ngày.

**Điều 14. Cấp Giấy chứng sinh**

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng sinh: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn được phép thực hiện dịch vụ đỡ đẻ.

2. Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh và Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BYT

3. Mẫu và cách ghi giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục Ia của Thông tư số 17/2012/TT-BYT

**Điều 15. Cấp tóm tắt hồ sơ bệnh án**

1. Thẩm quyền cấp tóm tắt hồ sơ bệnh án: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn được phép điều trị nội trú.

2. Mẫu và cách ghi tóm tắt hồ sơ bệnh án thực hiện theo quy định tại mẫu BV52, Phụ lục số XXIX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Trường hợp người bệnh được lưu trú tại Trạm y tế xã đối với các trạm y tế được Sở Y tế quyết định có giường lưu trú theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 Thông tư số 22/2023/TT-BYT thì được cấp tóm tắt hồ sơ bệnh án theo mẫu BV52, Phụ lục số XXIX Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

**Điều 16. Cấp Giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh**

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh:

a) Bệnh viện đa khoa có khoa phụ sản hoặc bệnh viện chuyên khoa phụ sản, sản nhi đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: được cấp giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh;

b) Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm a Khoản này hoặc người được ủy quyền được ký giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh.

2. Việc chứng minh quá trình điều trị vô sinh phải dựa trên cơ sở kết quả hội chẩn có liên quan đến tình trạng bệnh lý của người bệnh.

3. Việc chứng minh quá trình điều trị vô sinh thực hiện như sau:

a) Giấy ra viện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

b) Tóm tắt hồ sơ bệnh án theo mẫu BV 52, Phụ lục số XXIX Thông tư 32/2023/TT-BYT

c) Giấy xác nhận quá trình điều trị vô sinh theo Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này;

d) Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này;

4. Trường hợp bị mất giấy xác nhận quá trình điều trị vô sinh trong thời hạn 05 ngày làm việc trở lên, kể từ ngày được cấp giấy xác nhận quá trình điều trị vô sinh:

a) Người đã cấp giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh phải làm đơn đề nghị cấp bản sao giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh và gửi cho đơn vị nơi đã cấp giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh bị mất;

b) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp bản sao giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, đơn vị nơi đã cấp giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh có trách nhiệm cấp lại bản sao giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh.

**Điều 17. Cấp Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai**

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai:

a) Bệnh viện đa khoa có khoa phụ sản hoặc bệnh viện chuyên khoa phụ sản, sản nhi đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: được cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai do phải điều trị các bệnh lý sản khoa;

b) Bệnh viện đa khoa đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và Hội đồng Giám định y khoa được cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai do phải điều trị các bệnh lý toàn thân;

c) Người hành nghề được cấp giấy phép hành nghề làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm a và điểm b Khoản này được ký giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai do phải điều trị các bệnh lý sản khoa và bệnh lý toàn thân theo phân công của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

2. Việc chứng nhận nghỉ dưỡng thai do phải điều trị các bệnh lý toàn thân phải dựa trên cơ sở kết quả hội chẩn các chuyên khoa có liên quan đến tình trạng bệnh lý của người bệnh.

3. Việc chứng nhận nghỉ dưỡng thai thực hiện như sau:

a) Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này đối với đối tượng là lao động nữ mang thai đã nghỉ việc trong trường hợp điều trị ngoại trú;

b) Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này đối với đối tượng là lao động nữ mang thai đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong trường hợp điều trị ngoại trú;

c) Biên bản giám định y khoa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BYT;

d) Giấy ra viện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án theo mẫu BV52, Phụ lục số XXIX Thông tư 32/2023/TT-BYT.

4. Trường hợp giám định để nghỉ dưỡng thai thì trong biên bản bản giám định y khoa phải mô tả cụ thể về tình trạng sức khỏe hoặc ghi tên bệnh. Trường hợp mắc bệnh cần chữa trị dài ngày thì ghi mã bệnh; trường hợp chưa có mã bệnh thì ghi đầy đủ tên bệnh. Việc ghi mã bệnh và tên bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh dài ngày.

Thời hạn nghỉ dưỡng thai thực hiện theo kết luận của Hội đồng Giám định y khoa: Việc quyết định số ngày nghỉ phải căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai.

Việc ghi ngày bắt đầu được nghỉ phải trùng với ngày người bệnh đến khám.

Ví dụ: Ngày khám là ngày 13 tháng 7 năm 2025 và phải nghỉ 30 ngày thì tại phần số ngày nghỉ để điều trị bệnh ghi là 30 ngày và ghi rõ là từ ngày 13 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 8 năm 2025).

Biên bản giám định y khoa để nghỉ dưỡng thai chỉ có giá trị trong việc giải quyết hưởng chế độ ốm đau và thai sản.

5. Một lần khám chỉ được cấp một giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai. Trường hợp người bệnh cần nghỉ dài hơn 30 ngày thì khi hết hoặc sắp hết thời hạn nghỉ ghi trên giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai đã được cấp, người bệnh phải tiến hành tái khám để người hành nghề xem xét quyết định.

6. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai:

a) Người đã cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai phải làm đơn đề nghị cấp bản sao giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai và gửi cho đơn vị nơi đã cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai bị mất;

b) Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp bản sao giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, đơn vị nơi đã cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai có trách nhiệm cấp lại bản sao giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai.

7. Trường hợp bị mất giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai trong thời hạn từ ngày làm việc thứ 06 kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai: phải thực hiện lại từ đầu thủ tục đề nghị cấp giấy giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai.

**Điều 18. Cấp giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ mang thai hộ**

1. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ mang thai hộ: Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh trở lên.

2. Biên bản giám định y khoa thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BYT quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng giám định y khoa các cấp, trong đó phần Kết luận phải ghi rõ là người mẹ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh..

3. Kết luận quy định tại khoản 2 Điều này chỉ có giá trị để giải quyết hưởng chế độ thai sản.

**Điều 19. Cấp giấy tờ thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh**.

1. Thẩm quyền cấp giấy tờ thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm hỏa, dịch bệnh: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thành lập theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp xẩy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh

2. Trường hợp không cấp được giấy tờ quy định tại Phụ lục 3, 4,5,6,7 và 8 ban hành kèm theo Thông tư này, sử dụng mẫu quy định tại các Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này để thay thế.

3. Trường hợp xác nhận quá trình nghỉ trong thời gian mang thai cần bổ sung: Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em hoặc Phiếu khám thai lần gần nhất có xác nhận của nhân viên cơ sở y tế nơi thực hiện khám thai;

4. Trường hợp xác nhận quá trình nghỉ trong thời gian sinh con:

Đối với trường hợp sinh ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ, bổ sung Giấy chứng sinh hoặc bản sao hợp lệ Giấy khai sinh

Đối với trường hợp sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ bổ sung bản sao hợp lệ Giấy khai sinh.

**Chương IV**

**CẤP VÀ QUẢN LÝ GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**Điều 20. Nguyên tắc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội**

1. Việc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động cấp. Người hành nghề làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh này được ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo phân công của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó;

b) Phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với tình trạng sức khỏe của người bệnh và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Một lần khám chỉ được cấp một giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Trường hợp người bệnh cần nghỉ dài hơn 30 ngày thì khi hết hoặc sắp hết thời hạn nghỉ ghi trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đã được cấp, người bệnh phải tiến hành tái khám để người hành nghề xem xét quyết định.

Trường hợp người lao động trong cùng một thời gian được hai chuyên khoa trở lên của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác nhau khám và cùng được cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội thì chỉ được hưởng một trong những giấy chứng nhận có thời gian nghỉ dài nhất.

Trường hợp người lao động khám nhiều chuyên khoa trong cùng một ngày tại cùng một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với nhiều bệnh khác nhau thì chỉ cấp một giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội và được giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với bệnh có chế độ cao nhất.

Trường hợp người bệnh điều trị bệnh lao theo Chương trình Chống lao Quốc gia thì thời gian nghỉ tối đa không quá 180 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp người lao động bị sẩy thai, phá thai, nạo, hút thai, thai chết lưu mà tuổi thai từ 13 tuần tuổi trở lên thì thời gian nghỉ tối đa theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội nhưng không quá 50 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

3. Người hành nghề làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động được ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội; trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là pháp nhân thì người hành nghề phải đăng ký mẫu chữ ký với cơ quan bảo hiểm xã hội.

**Điều 21. Hình thức cấp chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội và cách ghi nội dung giấy tờ chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội**

1. Đối với trường hợp người lao động hoặc con dưới 07 tuổi của người lao động đã điều trị nội trú: Giấy ra viện theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với trường hợp có chuyển viện trong quá trình điều trị thì có thêm bản sao hợp lệ giấy chuyển viện.

Đối với trường hợp người bệnh tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì không phải cấp giấy ra viện. Việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho khoảng thời gian người bệnh điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước khi tử vong được căn cứ vào thời gian ghi trên giấy báo tử theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế quy định về phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong, cấp giấy báo tử và thống kê tử vong tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đối với trường hợp người lao động hoặc con dưới 07 tuổi của người lao động đang điều trị ngoại trú: giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp người bệnh cần nghỉ để điều trị ngoại trú sau khi ra viện thì cơ quan bảo hiểm xã hội căn cứ số ngày nghỉ ghi tại phần ghi chú của giấy ra viện để làm căn cứ thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

3. Mẫu và cách ghi giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Việc ghi ngày bắt đầu nghỉ từ ngày người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh;

b) Việc ghi ngày tại mục ngày, tháng, năm trên phần chữ ký của người hành nghề trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội thực hiện như sau:

- Ghi theo ngày, tháng người bệnh kết thúc khám bệnh, chữa bệnh;

- Ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phát hành giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đối với trường hợp người lao động đề nghị thực hiện cấp lại theo quy định tại Thông tư này;

c) Trường hợp cấp lại thì phải đóng dấu từ “CẤP LẠI” trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

4. Việc ghi mã bệnh, tên bệnh dài ngày trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, giấy ra viện thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày. Trường hợp mã bệnh ghi trong giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, giấy ra viện trùng khớp với mã bệnh quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT nhưng tên bệnh không trùng khớp với tên bệnh quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT thì thực hiện giải quyết bệnh dài này theo mã bệnh quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT.

**Chương V**

**TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

**Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Y tế**

Cục Quản lý Khám, chữa bệnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em, Cục Quản lý y, dược cổ truyền và Thanh tra Bộ:

1. Tổ chức triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết việc triển khai Thông tư này trên phạm vi toàn quốc.

2. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết những vướng mắc trong việc thực hiện Thông tư này theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 23. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan trong hệ thống bảo hiểm xã hội tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội địa phương hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc đăng tải công khai trên Trang tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh danh sách các cơ sở được cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội cũng như phạm vi cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội của cơ sở đó. Kiểm tra việc cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 24. Trách nhiệm của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Chủ trì trong việc tổ chức triển khai thực hiện và sơ kết, tổng kết việc triển khai Thông tư này trên địa bàn quản lý.

2. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện Thông tư này theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của Hội đồng Giám định y khoa**

1. Cập nhật nội dung kết luận của biên bản giám định y khoa vào cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh quốc gia để liên thông với hệ thống dữ liệu của cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Cung cấp cho người được giám định sau khi hoàn thành việc giám định các giấy tờ sau đây:

a) Biên bản giám định;

b) Hóa đơn, chứng từ thu phí giám định;

c) Bảng kê các nội dung giám định. Trường hợp nội dung giám định do cơ sở y tế khác thực hiện thì phải ghi rõ tên cơ sở y tế thực hiện nội dung giám định đó tại cột ghi chú.

**Điều 26. Trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

1. Phổ biến, quán triệt nội dung của Thông tư này đến toàn bộ người hành nghề và nhân viên của cơ sở mình.

2. Cấp đầy đủ, kịp thời cho người lao động hồ sơ, giấy tờ làm căn cứ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại Thông tư này; giám sát việc ghi nội dung trong các giấy tờ quy định tại Thông tư này của người hành nghề tại cơ sở của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của việc cấp các giấy tờ này.

3. Cập nhật dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh vào cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh quốc gia để liên thông với hệ thống dữ liệu của cơ quan bảo hiểm xã hội. Tạo lập chứng từ điện tử về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và lộ trình do Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác của chứng từ.

4. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi chuyển người bệnh đi có trách nhiệm cung cấp bản sao có đóng dấu treo giấy chuyển viện cho người bệnh khi có yêu cầu.

5. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã cấp giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội có trách nhiệm:

a) Cấp lại giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất, bị hỏng;

- Trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm hỏa, dịch bệnh;

- Người ký các giấy chứng nhận không đúng thẩm quyền;

- Việc đóng dấu trên các giấy chứng nhận không đúng quy định;

- Có sai sót về thông tin được ghi trên giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp cấp lại phải đóng dấu "Cấp lại" trên giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

b) Bổ sung, sửa đổi nội dung trên giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội trong trường hợp có sai sót về thông tin được ghi trên giấy ra viện, giấy chứng sinh, giấy chứng minh quá trình điều trị vô sinh, giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai, giấy chứng nhận không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Sau khi bổ sung, sửa đổi nội dung phải đóng dấu treo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (dấu đã đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội) tại phần nội dung bổ sung, sửa đổi.

c) Thực hiện việc đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký sử dụng trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội như sau:

- Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là pháp nhân: đăng ký mẫu dấu thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là pháp nhân: đăng ký con dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và mẫu chữ ký của người hành nghề được phép ký giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thay đổi mẫu dấu hoặc thay đổi hoặc bổ sung người được ủy quyền ký thay thủ trưởng đơn vị tại giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội thì phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc cấp huyện (theo phân cấp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam) nơi cơ sở đó đặt trụ sở trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi.

Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã áp dụng chữ ký số thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

d) Thực hiện việc ủy quyền cho người được ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và được gửi cho cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nơi cơ sở đặt trụ sở. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại. Văn bản ủy quyền phải thể hiện các nội dung tối thiểu sau: Họ, tên và chức danh của người được ủy quyền; phạm vi ủy quyền (nêu rõ người được ủy quyền được ký tên, đóng dấu trong các trường hợp nào) và thời hạn ủy quyền.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế và Thông tư số 18/2022/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BYT hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành

**Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Giấy ra viện, Giấy chứng sinh, Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, Giấy chứng nhận thương tích, Giấy báo tử do các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp theo đúng thẩm quyền do Bộ Y tế quy định đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng cấp không đúng mẫu, ghi không đúng thời gian, không đóng dấu pháp nhân, đóng dấu không đúng chỗ, ký tên không đúng chỗ, không đủ chữ ký thì vẫn có giá trị để làm căn cứ giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Mẫu giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội, giấy ra viện, đã phát hành trước ngày Thông tư này ban hành được tiếp tục áp dụng đến hết ngày ….. tháng …. năm 2025.

**Điều 29. Điều khoản tham chiếu**

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Xã hội của Quốc hội (để giám sát); - Văn phòng chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ); - Các Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan trực thuộc Chính phủ; - Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo); - Các Thứ trưởng Bộ Y tế; - Bảo hiểm xã hội Việt Nam; - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL); - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; - Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế; - Lưu: VT, KCB, BMTE, PC (02b). | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**  **Trần Văn Thuấn** |

**PHỤ LỤC 1**

MẪU GIẤY GIỚI THIỆU ĐỀ NGHỊ GIÁM ĐỊNH  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: *………/GGT* | *…….1….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**GIẤY GIỚI THIỆU**

**Kính gửi: Hội đồng Giám định y khoa2……………………..**

……………………….…………3………………….………………..trân trọng giới thiệu:

Ông/ Bà: ………………………………………Sinh ngày.... tháng... năm……………………

Chỗ ở hiện tại: …………………………………………………………………………………..

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: ..............Ngày cấp: …………….Nơi cấp: ……………………

Số Sổ BHXH/Mã số BHXH: …………………………………4……………………………….

Nghề/công việc …………………………………………….5…….……………………………

Điện thoại liên hệ: ……………………………………………………………………………..

**(Lưu ý:** Trường hợp đối tượng giám định có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, số định danh công dân)

Là cán bộ/ nhân viên/ thân nhân của ………………………………………………………..

Được cử đến Hội đồng Giám định y khoa …………………………………………………..

để giám định mức suy giảm khả năng lao động:

Đề nghị giám định: …………………………………..6…………………………………….

Loại hình giám định: ………………………………….7……………………………………

Nội dung giám định: ………………………………….8……………………………………

Đang hưởng chế độ: …………………………………9……………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của UBND hoặc Công an cấp xã**10 | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN GHI GIẤY GIỚI THIỆU**

*Ghi chú: Giấy giới thiệu có giá trị trong vòng ba tháng kể từ ngày ký giới thiệu.*

1 Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở cơ quan, đơn vị giới thiệu đề nghị giám định.

2 Tên Hội đồng Giám định y khoa nơi tổ chức đề nghị giám định.

3 Tên cơ quan, đơn vị giới thiệu người lao động.

4 Ghi số sổ bảo hiểm xã hội hoặc mã sổ bảo hiểm xã hội. Việc ghi mã số bảo hiểm xã hội chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số sổ bảo hiểm xã hội.

5 Trường hợp là thân nhân của người lao động đề nghị khám giám định để hưởng trợ cấp tuất hàng tháng thì không cần khai nội dung nghề/công việc.

6 Ghi rõ một trong các hình thức khám giám định sau: lần đầu/tái phát/lại/tổng hợp/phúc quyết.

7 Ghi rõ một trong các nội dung khám giám định sau: tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp/hưu trí/tuất/hưởng bảo hiểm xã hội một lần/hưởng chế độ thai sản.

8 Ghi rõ bệnh, tật cần khám giám định theo các giấy tờ điều trị.

9 Ghi rõ chế độ đang hưởng và tỷ lệ tổn thương cơ thể của lần khám giám định gần nhất (nếu có). Đối với giám định tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp ghi rõ tổn thương cơ thể (nếu có) kể cả tỷ lệ tổn thương cơ thể đó chưa đủ để hưởng chế độ.

10 Chỉ áp dụng đối với trường hợp người sử dụng lao động không có dấu: Ví dụ như hộ kinh doanh cá thể.

Lưu ý: Trường hợp

**PHỤ LỤC 2**

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÁM GIÁM ĐỊNH  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*……..., ngày ….. tháng ….. năm …..*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÁM GIÁM ĐỊNH**

**Kính gửi: …………………………………………….**

Tên tôi là…………………….………………………. Sinh ngày…….tháng……..năm……..

Chỗ ở hiện tại: ………………………………………………………………………………….

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: …..……….. Ngày cấp:……………… Nơi cấp:……………......

Số sổ BHXH/Mã số BHXH: ………………………………….1………………………………..

Nghề/công việc: ……………………………………………2…………………………………..

Điện thoại liên hệ: ………………………………………………………………………………

**(Lưu ý:** Trường hợp đối tượng giám định có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, số định danh công dân)

Đề nghị được giám định mức độ suy giảm khả năng lao động:

Đề nghị giám định: …………………………………………3 …………………………………

Loại hình giám định:………………………………………. 4 …………………………………

Nội dung giám định:………………………………………. 5 …………………………………

Đang hưởng chế độ:……………………………………….6 …………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của UBND hoặc Công an cấp xã**10 | **Người viết giấy đề nghị** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN GHI GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÁM GIÁM ĐỊNH**

1 Ghi số sổ bảo hiểm xã hội hoặc mã số bảo hiểm xã hội. Việc ghi mã số bảo hiểm xã hội chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số sổ bảo hiểm xã hội.

2 Ghi rõ hiện có đang làm việc trong môi trường có yếu tố gây bệnh nghề nghiệp được đề nghị khám hay không.

Trường hợp là thân nhân của người lao động đề nghị khám giám định để hưởng trợ cấp tuất hàng tháng thì không cần khai nội dung nghề/công việc.

3 Ghi rõ một trong các hình thức khám giám định sau: lần đầu/tái phát/lại/ tổng hợp/phúc quyết.

4 Ghi rõ một trong các nội dung khám giám định sau: tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp/hưu trí/tuất/hưởng bảo hiểm xã hội một lần/hưởng chế độ thai sản.

5 Ghi rõ tên thương tật bệnh tật đề nghị khám giám định theo các giấy tờ khám, điều trị thương tật, bệnh tật.

6 Ghi rõ chế độ đang hưởng và tỷ tệ tổn thương cơ thể của lần khám giám định gần nhất (nếu có). Đối với giám định tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp ghi rõ tổn thương cơ thể (nếu có) kể cả tỷ lệ tổn thương cơ thể đó chưa đủ để hưởng chế độ.

7 Chỉ áp dụng đối với trường hợp thân nhân của người lao động là người chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giám định.

**PHỤ LỤC 3**

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THƯƠNG TÍCH  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ………[1](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Thong-tu-14-2016-TT-BYT-huong-dan-Luat-bao-hiem-xa-hoi-thuoc-linh-vuc-y-te-317520.aspx" \l "_ftn16" \o ")…………  BV: ………………..  Số:        /CN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------------** | MS…  Số vào viện …...... |

**GIẤY CHỨNG NHẬN THƯƠNG TÍCH**

**Giám đốc bệnh viện:** ………………………………… Chứng nhận:

- Ông, Bà:.................................................... Sinh ngày…..tháng…..năm……. Nam/Nữ: …….

- Nghề nghiệp: …………………… Nơi làm việc.....................................................................

- Giấy CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:….[2](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Thong-tu-14-2016-TT-BYT-huong-dan-Luat-bao-hiem-xa-hoi-thuoc-linh-vuc-y-te-317520.aspx" \l "_ftn17" \o ")……Ngày cấp:….Nơi cấp:................................

- Địa chỉ:............................................................................................................................

**(Lưu ý:** Trường hợp người bệnh có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, số định danh công dân)

- Vào viện lúc: …...giờ…...phút, ngày..…tháng…...năm……

- Ra viện lúc: …...giờ…...phút, ngày..…tháng…...năm……

**- Lí do vào viện:**................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**- Chẩn đoán:**....................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**- Điều trị:**...........................................................................................................................

.........................................................................................................................................

**- Tình trạng thương tích lúc vào viện:**...............................................................................

.........................................................................................................................................

**- Tình trạng thương tích lúc ra viện:**..................................................................................

.........................................................................................................................................

*Ngày….tháng…..năm …..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giám đốc bệnh viện** Họ tên ……………….. | **Trưởng khoa**  Họ tên ……………….. | **Bác sĩ Điều trị**  Họ tên ……………….. |

**PHỤ LỤC 4**

MẪU GIẤY RA VIỆN  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ………………..  BV:……………  Khoa:………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** | MS: 01/BV-01  Số lưu trữ:……….  Mã Y tế  …../…../…../…… |

**GIẤY RA VIỆN**

- Họ tên người bệnh: ………………………………………………………………………..

- Ngày/tháng/năm sinh: ………./………/………… (Tuổi ……….); Nam/nữ:……………

- Dân tộc: ………………………………….. Nghề nghiệp: ………………………………..

- Mã số BHXH/Thẻ BHYT số ……………………………….... 1 .....................................

- Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………….

**(Lưu ý:** Trường hợp người bệnh có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, số định danh công dân)

- Vào viện lúc: …………giờ ………….phút, ngày ………..tháng …………..năm ………

- Ra viện lúc: ………….giờ ………..phút, ngày ………..tháng …………năm …………..

- Chẩn đoán ……………………………………2……………………………………………

- Phương pháp điều trị: ………………………..3………………………………………….

- Ghi chú: ……………………………………….4………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày….. tháng…… năm…...* **Thủ trưởng đơn vị5** *(Ký tên, đóng dấu)* | *Ngày……. tháng…… năm…….* **Trưởng khoa5** Họ tên……………………………… |

**HƯỚNG DẪN GHI GIẤY RA VIỆN**

**1 Phần Mã số BHXH/Thẻ BHYT**

- Mã số BHXH: Ghi đầy đủ mã số bảo hiểm xã hội do Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp (Chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số thẻ bảo hiểm y tế).

- Thẻ bảo hiểm y tế số: ……….. Ghi đầy đủ mã thẻ gồm phần chữ và phần số theo thông tin trên thẻ bảo hiểm y tế của người bệnh, trong đó phần chữ viết in hoa (Chỉ áp dụng đến khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số thẻ bảo hiểm y tế).

**2 Phần chẩn đoán**

- Phải mô tả cụ thể về tình trạng sức khỏe và ghi tên bệnh hoặc mã bệnh. Trường hợp mắc bệnh cần chữa trị dài ngày thì việc ghi mã bệnh và tên bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số [46/2016/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-46-2016-TT-BYT-Danh-muc-benh-can-chua-tri-dai-ngay-337487.aspx" \t "_blank) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh dài ngày;

- Trường hợp đình chỉ thai nghén: Ghi rõ nguyên nhân đình chỉ thai nghén (Ví dụ: thai chết lưu, thai bệnh lý,...).

- Trường hợp điều trị dưỡng thai: Ghi rõ cụm từ “dưỡng thai”

**3 Phần phương pháp điều trị**

Ghi chỉ định điều trị (Trường hợp phải đình chỉ thai nghén):

- Dưới 22 tuần tuổi thì căn cứ tình trạng thực tế để ghi phương pháp điều trị theo một trong các trường hợp sau: Sảy thai, nạo thai, hút thai, mổ lấy thai, trừ trường hợp giảm thiểu thai trong quá trình thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm;

- Từ 22 tuần tuổi trở lên ghi rõ là đẻ thường, đẻ thủ thuật hay mổ đẻ.

- Ghi rõ tuần tuổi thai (kể cả trường hợp đình chỉ thai ngoài tử cung, thai trứng cần xác định rõ tuần tuổi thai).

Việc xác định tuần tuổi của thai dựa vào ngày có kinh cuối cùng hoặc kết quả siêu âm trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

- Ghi rõ thời gian đình chỉ thai nghén: Vào ...giờ…..phút ngày .../tháng.../năm...

**4 Phần ghi chú**

Ghi lời dặn của thầy thuốc, Cách ghi lời dặn của thầy thuốc trong một số trường hợp:

- Trường hợp người bệnh cần nghỉ để điều trị bệnh hoặc để ổn định sức khỏe sau khi điều trị nội trú: Ghi rõ số ngày mà người bệnh cần nghỉ để điều trị ngoại trú sau khi ra viện (từ ngày, đến ngày). Việc quyết định số ngày nghỉ phải căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày, trường hợp đình chỉ thai nghén từ 13 tuần tuổi trở lên thì không quá 50 ngày: Trường hợp người bệnh điều trị bệnh lao theo chương trình chống lao quốc gia thì thời gian nghỉ tối đa không quá 180 ngày.

- Trường hợp lao động nữ cần nghỉ để dưỡng thai thì sau khi ghi số ngày nghỉ phải ghi rõ là "để dưỡng thai". Ví dụ: Số ngày nghỉ: 10 ngày để dưỡng thai. Việc quyết định số ngày nghỉ phải căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày.

- Trường hợp người có thai từ 22 tuần tuổi trở phải đình chỉ thai nghén thì ghi là đẻ non, con chết.

- Trường hợp đẻ non ghi rõ số con và tình trạng con sau sinh.

- Trong trường hợp người mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc trẻ em dưới 16 tuổi phải ghi đầy đủ họ, tên của cha, mẹ hoặc người giám hộ của người bệnh.

**5 Phần ngày, tháng, năm và chữ ký**

- Việc ghi ngày, tháng, năm tại phần chữ ký của Trưởng khoa điều trị phải trùng với ngày ra viện.

- Tại phần "Trưởng khoa": Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa ký tên theo quy chế làm việc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Tại phần "Thủ trưởng đơn vị": Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền được ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ có 01 người có đủ thẩm quyền khám và ký giấy ra viện thì người đó chỉ cần ký và đóng dấu vào phần người thủ trưởng đơn vị.

**PHỤ LỤC 5**

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Liên số 1***  …………………….**Mẫu**  Số:……………………  Số: ……………../KCB  Sốseri: ……………….  **GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI** (chỉ áp dụng cho điều trị ngoại trú)  **I. Thông tin người bệnh**  Họ và tên: ………………….ngày sinh ……/…./….  Mã số BHXH/Số thẻ BHYT: …………………..;  Giới tính: ……………………………………….  Đơn vị làm việc: ………………………………..  …………………………………………………….  **II. Chẩn đoán và phương pháp điều trị**  …………………………………………………….  Số ngày nghỉ: ………………………………….  (Từ ngày …………đến hết ngày ……………)  **III. Thông tin cha, mẹ** (chỉ áp dụng đối với trường hợp người bệnh là trẻ em dưới 07 tuổi)  - Họ và tên cha: ……………………………….  - Họ và tên mẹ: ……………………………….  *Ngày …. tháng …. năm ……* | | ***Liên số 2***  …………………….**Mẫu**  Số:……………………  Số: ……………../KCB  Sốseri: ……………….  **GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI** (chỉ áp dụng cho điều trị ngoại trú)  **I. Thông tin người bệnh**  Họ và tên: ………………….ngày sinh …./…../…..  Mã số BHXH/Số thẻ BHYT: ………………….;  Giới tính:………………………………………..  Đơn vị làm việc: ……………………………….  …………………………………………………..  **II. Chẩn đoán và phương pháp điều trị**  …………………………………………………..  Số ngày nghỉ: ………………………………….  (Từ ngày ……………đến hết ngày …………..)  **III. Thông tin cha, mẹ** (chỉ áp dụng đối với trường hợp người bệnh là trẻ em dưới 07 tuổi)  - Họ và tên cha: ……………………………….  - Họ và tên mẹ: ……………………………….  *Ngày …. tháng …. năm……* | |
| **XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* | **Người hành nghề KB, CB** *(Ký, họ tên, trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* | **XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)* | **Người hành nghề KB, CB** *(Ký, họ tên, trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |
|  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GHI GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ VIỆC HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**I. MỤC ĐÍCH:**

Xác nhận số ngày nghỉ việc của người lao động để chăm con ốm hoặc để điều trị ngoại trú do ốm đau, thai sản, làm căn cứ tính trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

**II. CÁCH GHI:**

Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội do bác sỹ, y sỹ làm việc trong các cơ sở y tế ghi và cấp cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội để nghỉ việc điều trị ngoại trú hoặc chăm con ốm.

Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội phải ghi đầy đủ, rõ ràng, không được tẩy xóa và ghi toàn bộ bằng tiếng Việt (nội dung trên 2 liên phải như nhau).

Góc trên bên trái: Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: ghi số khám bệnh vào dòng phía dưới tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (là số thứ tự khám do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp). Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có nhiều bộ phận khám bệnh thì ghi số khám bệnh theo bộ phận khám bệnh đó.

**1. Phần Thông tin người bệnh**

a) Dòng thứ nhất: Ghi đầy đủ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của người bệnh được cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội (chữ in hoa). Trường hợp chỉ có năm sinh thì ghi năm sinh;

b) Dòng thứ hai:

Mã số BHXH: Ghi đầy đủ mã số bảo hiểm xã hội do Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp (Chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số thẻ bảo hiểm y tế).

Thẻ bảo hiểm y tế số: Ghi đầy đủ mã thẻ gồm phần chữ và phần số theo thông tin trên thẻ bảo hiểm y tế của người bệnh, trong đó phần chữ viết in hoa (Chỉ áp dụng đến khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số thẻ bảo hiểm y tế).

c) Dòng thứ ba: ghi rõ giới tính.

d) Dòng thứ tư: Ghi rõ đơn vị nơi người bệnh làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo thông tin do người đến khám bệnh cung cấp: trường hợp con ốm thì ghi tên đơn vị mà người cha hoặc mẹ đang làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo thông tin do người đến khám bệnh cung cấp.

e) Trường hợp người bệnh có CCCD gắn chíp hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục Họ và tên, Ngày tháng năm sinh, số định danh công dân)

**2. Phần Chẩn đoán và phương pháp điều trị**

a) Nội dung chẩn đoán phải mô tả cụ thể về tình trạng sức khỏe và ghi tên bệnh hoặc mã bệnh. Trường hợp mắc bệnh cần chữa trị dài ngày thì việc ghi mã bệnh và tên bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số [46/2016/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-46-2016-TT-BYT-Danh-muc-benh-can-chua-tri-dai-ngay-337487.aspx" \t "_blank) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh dài ngày;

- Trường hợp đình chỉ thai nghén: Ghi rõ nguyên nhân đình chỉ thai nghén và số tuần tuổi thai.

- Trường hợp điều trị dưỡng thai: Ghi rõ cụm từ “dưỡng thai”

b) Nội dung phương pháp điều trị: Ghi chỉ định điều trị. Trường hợp phải đình chỉ thai nghén:

- Dưới 22 tuần tuổi thì căn cứ tình trạng thực tế để ghi phương pháp điều trị theo một trong các trường hợp sau: Sảy thai, nạo thai, hút thai, mổ lấy thai, trừ trường hợp giảm thiểu thai trong quá trình thực hiện thụ tinh trong ống nghiệm;

- Từ 22 tuần tuổi trở lên ghi rõ là đẻ thường, đẻ thủ thuật hay mổ đẻ.

Việc xác định tuần tuổi của thai dựa vào ngày có kinh cuối cùng hoặc kết quả siêu âm trong 3 tháng đầu của thai kỳ.

c) Số ngày nghỉ: việc quyết định số ngày nghỉ phải căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Riêng trường hợp người bệnh điều trị bệnh lao theo chương trình chống lao quốc gia thì thời gian nghỉ tối đa không quá 180 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội. Trường hợp người lao động bị sẩy thai, phá thai, nạo, hút thai, thai chết lưu mà tuổi thai từ 13 tuần tuổi trở lên thì thời gian nghỉ tối đa theo quy định của [Luật bảo hiểm xã hội](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Bao-hiem-xa-hoi-2014-259700.aspx" \t "_blank) nhưng không quá 50 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội.

Việc ghi ngày bắt đầu được nghỉ phải trùng với ngày người bệnh đến khám.

**3. Phần thông tin cha, mẹ**

Ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên của cha và mẹ người bệnh (nếu có) trong trường hợp người bệnh là trẻ em dưới 7 tuổi.

**4. Phần xác nhận của thủ trưởng đơn vị**

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền được ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó. Trường hợp người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền được ký và đóng dấu đồng thời là người khám bệnh thì người đó chỉ cần ký và đóng dấu ở phần này và không phải ký tên ở Phần y, bác sỹ khám, chữa bệnh nhưng vẫn phải ghi ngày, tháng, năm cấp.

Ngày... tháng...năm... cấp phải trùng với ngày người lao động đến khám bệnh, trường hợp đợt khám bệnh kéo dài từ 2 ngày trở lên thì ngày/tháng /năm cấp phải trùng với ngày cuối cùng của đợt người lao động đến khám bệnh và cần được chỉ định nghỉ ngoại trú.

**PHỤ LỤC 6**

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ DƯỠNG THAI

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở KB, CB** Số:……………………./……… | **Số Seri…………………………….** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ DƯỠNG THAI**

**I. Thông tin người bệnh**

1. Họ và tên: ..................................................................... ngày sinh……/ ……/………..

2. Mã số BHXH/Số thẻ BHYT: ......................................................................................

3. Đơn vị làm việc: ......................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**II. Chẩn đoán:**

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

Số ngày cần nghỉ để điều trị bệnh: ...............................................................................

(Từ ngày ……………..đến hết ngày…………………………. )

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ……..tháng…….. năm ……..* **Người hành nghề KB, CB** *(Ký, họ tên, trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |
|  | Xác nhận của thủ trưởng cơ quan đơn vị*(Ký, họ tên, đóng dấu trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |

**CÁCH GHI GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỈ DƯỠNG THAI**

**1. Phần mã số bảo hiểm xã hội/thẻ bảo hiểm y tế:**

Ghi số sổ BHXH hoặc mã số BHXH. Việc ghi mã số bảo hiểm xã hội chỉ áp dụng khi cơ quan bảo hiểm xã hội chính thức có thông báo về việc sử dụng mã số bảo hiểm xã hội thay cho số sổ bảo hiểm xã hội.

**2. Phần chẩn đoán:**

Phải mô tả cụ thể về tình trạng sức khỏe hoặc ghi tên bệnh. Trường hợp mắc bệnh cần chữa trị dài ngày thì ghi mã bệnh; trường hợp chưa có mã bệnh thì ghi đầy đủ tên bệnh. Việc ghi mã bệnh và tên bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số [46/2016/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-46-2016-TT-BYT-Danh-muc-benh-can-chua-tri-dai-ngay-337487.aspx" \t "_blank) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh dài ngày;

**3. Phần Số ngày nghỉ:**

- Việc quyết định số ngày nghỉ phải căn cứ vào tình trạng sức khỏe của người bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày cho một lần cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai.

- Việc ghi ngày bắt đầu được nghỉ phải trùng với ngày người bệnh đến khám.

Ví dụ: Ngày khám là ngày 13 tháng 7 năm 2018 và phải nghỉ 30 ngày thì tại phần số ngày nghỉ để điều trị bệnh ghi là 30 ngày và ghi rõ là từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 11 tháng 8 năm 2018).

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai thì việc ghi ngày bắt đầu được nghỉ vẫn phải trùng với ngày người bệnh đến khám. Riêng phần ngày tháng năm cấp giấy phải ghi theo đúng thực tế.

Ví dụ: Ngày 14 tháng 7 năm 2018 chị Nguyễn Tuyết A đã được cấp giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai trong thời gian 30 ngày từ ngày 14 tháng 7 đến ngày 12 tháng 8 năm 2018.

Đến ngày 15 tháng 9 năm 2018, chị Nguyễn Tuyết A có văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai và ngày 16 tháng 9 năm 2018 cơ sở thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai thì việc ghi giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai được thực hiện như sau:

Phần chẩn đoán ghi rõ tên bệnh theo chẩn đoán;

Phần số ngày nghỉ để điều trị bệnh ghi là 30 ngày và ghi rõ là từ ngày 14 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 8 năm 2018)

Phần ngày tháng năm liền kề phía trên của cụm từ "Y, bác sỹ KCB" ghi là ngày 16 tháng 9 năm 2018.

**4. Phần xác nhận của thủ trưởng đơn vị**

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền được ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

**PHỤ LỤC 7**

Giấy xác nhận quá trình điều trị vô sinh

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở KB, CB** Số:……………………./……… | **Số Seri…………………………….** |

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRỊ VÔ SINH

**I. Thông tin người bệnh**

1. Họ và tên: ..................................................................... ngày sinh……/ ……/………..

2. Mã số BHXH/Số thẻ BHYT: ......................................................................................

3. Đơn vị làm việc: ......................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**II. Chẩn đoán:**

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

III. Xác nhận quá trình điều trị vô sinh........................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

(Từ ngày ……………..đến hết ngày…………………………. )

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ……..tháng…….. năm ……..* **Người hành nghề KB, CB** *(Ký, họ tên, trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |
|  | Xác nhận của thủ trưởng cơ quan đơn vị*(Ký, họ tên, đóng dấu trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |

**PHỤ LỤC 8**

MẪU BẢN ĐĂNG KÝ MẪU DẤU CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI HÀNH NGHỀ  
*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| ……………1……………. …………………………….. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *…….2……, ngày … tháng … năm …….* |

**Kính gửi:** Cơ quan Bảo hiểm xã hội …………………..3 ………………

Căn cứ quy định của Thông tư số ……/2017/TT-BYT ngày     tháng     năm 2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của [Luật bảo hiểm xã hội](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Bao-hiem-xa-hoi-2014-259700.aspx" \t "_blank) thuộc lĩnh vực y tế và giấy phép hoạt động số …………….4…………. , ………………5……………. gửi Quý cơ quan Bảo hiểm xã hội ……………………………………

1. Đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội đăng ký mẫu dấu sẽ sử dụng để xác nhận trên giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội như sau:

2.6 Danh sách người hành nghề được phân công ký Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội tại ………………..7………………….., gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **HỌ VÀ TÊN** | **SỐ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ** | **PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN** | **CHỮ KÝ** |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** *…………………..* | *Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, ký, ghi rõ họ, tên và**đóng dấu Bổ sung* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

2 Ghi địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở

3 Ghi tên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nếu gửi cho cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện; ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nếu gửi cho cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh

4 Ghi đầy đủ số, ký hiệu giấy phép và ngày, tháng, năm cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

5 Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

6 Chỉ áp dụng đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là pháp nhân.

7 Ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

8 Ghi phạm vi hoạt động chuyên môn của từng người hành nghề theo chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của người đó

**PHỤ LỤC 9**

**Mẫu giấy thay thế trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh**

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ sở KB, CB hoặc UBND xã, phường…** Số:……………………./……… | **Số Seri…………………………….** |

**MẪU GIẤY THAY THẾ TRONG TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG DO THIÊN TAI, THẢM HỌA, DỊCH BỆNH**

**I. Thông tin người bệnh**

1. Họ và tên: ..................................................................... ngày sinh……/ ……/………..

2. Mã số BHXH/Số thẻ BHYT: ......................................................................................

3. Đơn vị làm việc: ......................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**II. Chẩn đoán**...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**III. Nơi chăm sóc, điều trị, cách ly**

Số ngày điều trị bệnh: (Từ ngày ……………..đến hết ngày…………………………. )

**IV. Ghi nội dung cần chứng nhận** (Theo các mẫu số 3,4,5,6,7,8)………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày ……..tháng…….. năm ……..* **Người hành nghề KB, CB hoặc người quản lý khu chăm sóc, cách ly** *(Ký, họ tên, trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |
|  | Xác nhận của thủ trưởng cơ quan đơn vị/UBND xã*(Ký, họ tên, đóng dấu trừ trường hợp sử dụng chữ ký số)* |